TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01-3-2021
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh;

Ông Nguyễn Trường Hận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 786/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 11 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn L kết hôn với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm đã làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý vợ chồng và cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp cho nên bà H yêu cầu ly hôn với ông L.

- Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Gia T, sinh ngày 29/11/2015 (nam), hiện sống chung với bà H, khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con là Gia T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi cháu Gia T đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà ông L không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà H. Đồng thời, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông L không tham gia nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông L là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn L kết hôn với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 148 ngày 31 tháng 12 năm 2015. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà H và ông L được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, bà H xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm đã làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý vợ chồng và cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp cho nên bà H yêu cầu ly hôn với ông L. Mặt khác, ông L đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng ông L vẫn vắng mặt, từ đó cho thấy ông L không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà H với ông L. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu

thuẫn giữa bà H và ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Bà H được ly hôn với ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Bà H xác định có 01 người con tên Nguyễn Gia T, sinh ngày 29/11/2015 (nam), hiện sống chung với bà H, khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con là Nguyễn Gia T. Xét thấy, cháu T hiện sống chung với bà H và từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay phía ông L không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con tên Nguyễn Gia T, sinh ngày 29/11/2015 (nam) cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Ông L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi cháu Gia T đủ 18 tuổi, do ông L vắng mặt nên không có ý kiến. Tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Cha mẹ không trực tiếp nuôi con thì có nghĩa vụ cấp dưỡng"*, do đó buộc ông L cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét về mức cấp dưỡng thì bà H không chứng minh được khả năng kinh tế của ông L nên xem xét cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Theo quy định của pháp luật thì mức cấp dưỡng không thấp hơn ½ mức lương cơ sở (lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng), do đó buộc ông L cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Trường hợp ông L chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nói trên, thì ông L còn phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên bà H phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

Án phí cấp dưỡng định kỳ không giá ngạch 300.000 đồng ông L phải chịu nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H. Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Lê Thị H nuôi dưỡng và chăm sóc con tên Nguyễn Gia T, sinh ngày 29/11/2015 (nam).

Ông L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông L phải cấp dưỡng cho con là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Trường hợp ông L chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nói trên, thì ông L còn phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, bà H phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, bà H có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004272 ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

Án phí cấp dưỡng định kỳ không giá ngạch 300.000 đồng ông Nguyễn Văn L phải chịu nộp.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- UBND xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo